

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
cho năm tài chính 2016
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2016	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016	11 -32
Phụ lục 01: Bảng xác định lợi ích của cổ đông không kiểm soát	33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Lương Am	Chủ tịch HĐQT
- Ông Đinh Tấn Dương	Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Đặng Ngọc Căn	Thành viên HĐQT
- Ông Phan Thanh Lâm	Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Văn Nho	Thành viên HĐQT
- Ông Phùng Văn Viễn	Thành viên HĐQT
- Ông Dương Minh Quang	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Nguyễn Lương Am	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2016)
- Ông Dương Minh Quang	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/06/2016)
- Ông Nguyễn Xuân Cần	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Tấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Khế	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phan Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đình Liễn	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20/01/2016)
- Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20/01/2016)
- Ông Phạm Văn Nho	Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

- **Vốn điều lệ : 170.201.300.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng).**

Các Công ty con của Công ty	Trụ sở
1 Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 76,35%.	Xã Tây Phú, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
2 Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 59,81%.	Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

Công ty có trụ sở tại: Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 33.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;

- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



Dương Minh Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 69 /2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016
của Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 47, được lập ngày 06/03/2017, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 cho năm tài chính 2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Công ty Cổ phần Xây dựng 47 giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tinh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Bùi Quang Hợp

Giấy CNDKHNKT số: 1796-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.311.452.944.755	1.486.867.761.481
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.483.147.337	28.399.058.563
1. Tiền	111		16.483.147.337	28.399.058.563
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		440.142.882.061	533.359.350.555
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2a	301.060.274.134	366.279.978.544
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	89.104.763.606	133.105.189.626
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	55.565.393.973	39.564.182.385
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.450.348	-
IV. Hàng tồn kho	140		845.371.493.229	924.931.672.141
1. Hàng tồn kho	141	V.6	845.371.493.229	924.931.672.141
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.455.422.128	177.680.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	72.751.719	81.575.419
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	6.184.153.065	57.937.976
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.8	3.198.517.344	38.166.827
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		947.154.540.892	798.829.574.777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.963.998.007	232.001.040
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	232.001.040	232.001.040
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.731.996.967	-
II. Tài sản cố định	220		868.363.397.498	700.848.278.165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	857.018.604.481	683.746.547.148
- Nguyên giá	222		1.468.801.126.619	1.210.508.236.547
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(611.782.522.138)	(526.761.689.399)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.344.793.017	17.101.731.017
- Nguyên giá	228		12.091.730.290	17.803.668.290
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(746.937.273)	(701.937.273)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.163.787.843	50.920.421.048
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	23.163.787.843	50.920.421.048
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	253	V.12	40.000.000.000	40.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.663.357.544	6.828.874.524
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	13.636.066.950	5.144.446.321
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	27.290.594	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.684.428.203
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.258.607.485.647	2.285.697.336.258

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.964.998.076.499	2.024.450.588.370
I. Nợ ngắn hạn	310		1.301.649.940.336	1.373.114.914.951
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	410.396.281.066	427.472.371.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16a	22.620.254.448	86.227.294.025
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	29.953.980	6.368.054.017
4. Phải trả người lao động	314		42.823.041.263	46.817.871.399
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	73.910.293.558	64.972.716.657
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	750.011.597.676	739.315.716.149
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.858.518.345	1.940.890.956
II. Nợ dài hạn	330		663.348.136.163	651.335.673.419
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16b	284.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	377.307.632.374	650.902.748.730
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	2.040.503.789	432.924.689
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.609.409.148	261.246.747.888
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	293.609.409.148	261.246.747.888
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.201.300.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.201.300.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.680.208.094	30.190.801.117
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	10.449.146.977
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.968.124.838	41.474.601.762
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.721.453.344	21.724.229.668
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.721.453.344	21.724.229.668
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	PL01	32.038.322.872	37.407.968.364
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.258.607.485.647	2.285.697.336.258

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Tổng Giám đốc




(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.490.563.656.837	1.523.563.245.655
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	32.407.348	56.804.372
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	1.490.531.249.489	1.523.506.441.283
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.334.772.295.164	1.341.740.274.334
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.758.954.325	181.766.166.949
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	6.992.190.111	7.257.446.187
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	119.650.739.952	111.906.896.932
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		109.632.537.217	105.740.863.595
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	39.821.200.449	46.994.829.788
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.279.204.035	30.121.886.416
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	3.301.061.201	4.414.550.463
12.	Chi phí khác	32	VI.9	787.956.566	2.210.708.666
13.	Lợi nhuận khác	40		2.513.104.635	2.203.841.797
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.792.308.670	32.325.728.213
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.075.622.869	5.905.773.227
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	1.580.288.506	(432.924.689)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.136.397.295	26.852.879.675
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(5.258.697.879)	(1.193.788.836)
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		8.395.095.174	28.046.668.511
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	258	2.278
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.843.525.071.400	1.244.952.278.024
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(1.386.974.024.569)	(486.551.794.830)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(279.286.999.940)	(303.996.616.787)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(109.548.964.468)	(104.830.564.534)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(6.929.489.692)	(2.363.596.420)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.313.430.418	130.013.195.482
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(69.883.536.941)	(166.184.048.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.784.513.792)	311.038.851.962
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(140.405.959.121)	(490.072.255.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.190.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.555.679.804	5.239.376.118
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(127.660.279.317)	(480.432.879.618)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.241.560.000	30.723.151.117
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hài	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.171.916.897.806	1.081.266.817.251
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.081.626.092.882)	(1.004.900.663.166)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(64.968.128)	(21.827.631.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	120.467.396.796	85.261.673.509
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.977.396.313)	(84.132.354.147)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.399.058.563	112.523.964.469
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	61.485.087	7.448.241
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.483.147.337	28.399.058.563

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Tổng Giám đốc




Dương Minh Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

Vốn điều lệ : **170.201.300.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng).**

Công ty có trụ sở tại: Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. *Trình tự và phương pháp hợp nhất*

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có);

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông không kiểm soát thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. *Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:*

4.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

4.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

5.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- 6.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.
- 6.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- 7.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- 7.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- 8.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 8.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).
- 8.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.
- 8.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

9.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

9.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

13.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

14. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán vật tư, dịch vụ khách sạn nhà hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

15.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

15.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm; hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.116.963.187	15.153.694.197
Tiền gửi Ngân hàng	8.366.184.150	13.245.364.366
Cộng	16.483.147.337	28.399.058.563
2. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	301.060.274.134	366.279.978.544
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>184.356.238.462</i>	<i>177.871.453.547</i>
Công trình Đồng Nai 4	-	40.179.414.080
Công trình Trung Sơn	111.180.847.416	137.692.039.467
Công trình Sêrêpôk 4A	39.959.253.370	-
Công trình Sông Bung 5	33.216.137.676	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>116.704.035.672</i>	<i>188.408.524.997</i>
b. Dài hạn	232.001.040	232.001.040
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>194.230.000</i>	<i>194.230.000</i>
Công trình Đồng Cam (kênh)	80.000.000	80.000.000
Công trình Suối Bèo	63.230.000	63.230.000
Công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng	51.000.000	51.000.000
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>37.771.040</i>	<i>37.771.040</i>
Cộng	301.292.275.174	366.511.979.584
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi tiết các khoản trả trước cho khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>35.988.045.215</i>	<i>79.615.338.190</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

Công ty Robbins USA	-	36.846.338.190
Robbins China	35.988.045.215	42.769.000.000
Trả trước cho khách hàng khác	53.116.718.391	53.489.851.436
Cộng	89.104.763.606	133.105.189.626
4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	55.565.393.973	39.564.182.385
Phải thu tạm ứng	28.115.477.694	9.403.875.880
Các khoản phải thu khác	27.449.916.279	30.160.306.505
<i>Lương ốm</i>	968.653.388	380.701.288
<i>Công ty Cổ phần LiLaMa 45.1</i>	586.277.147	586.277.147
<i>Đền bù GPMB Phước An</i>	-	4.814.886.950
<i>Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ</i>	16.414.879.000	16.414.879.000
<i>Cổ tức nhận được do đầu tư</i>	2.468.400.000	2.178.000.000
<i>Các khoản phải thu khác</i>	7.011.706.744	5.785.562.120
b. Dài hạn	1.731.996.967	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	1.731.996.967	-
Cộng	57.297.390.940	39.564.182.385
5. Dự phòng phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	5.590.000.000	5.590.000.000
Cộng	5.590.000.000	5.590.000.000
6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	57.473.541.810	74.018.594.411
Công cụ, dụng cụ	250.365.960	292.168.264
Chi phí SX, KD dở dang	786.793.953.354	849.975.264.283
Hàng hoá	853.632.105	645.645.183
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	845.371.493.229	924.931.672.141
7. Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	6.184.153.065	57.937.976
Cộng	6.184.153.065	57.937.976
8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN	3.161.350.517	-
Các loại thuế khác	37.166.827	38.166.827
Cộng	3.198.517.344	38.166.827

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	224.095.422.678	745.245.102.466	224.567.783.255	13.090.751.761	3.509.176.387	1.210.508.236.547
- Mua trong năm	-	201.891.850.726	-	576.270.909		202.468.121.635
- XDCB hoàn thành	38.591.382.591		-	-		38.591.382.591
- Tặng khác	1.865.887.062	22.131.729.001	432.590.000	-	411.444.545	24.841.650.608
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	1.178.912.000	1.385.804.050	4.919.151.924	-		7.483.867.974
- Giảm khác	50.691.138	-	-	-	73.705.650	124.396.788
Số dư cuối năm	263.323.089.193	967.882.878.143	220.081.221.331	13.667.022.670	3.846.915.282	1.468.801.126.619
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18.754.238.406	359.257.083.148	137.773.796.087	9.568.166.635	1.408.405.123	526.761.689.399
- Khấu hao trong năm	5.465.877.325	65.147.531.422	18.779.010.316	921.462.555	252.190.866	90.566.072.484
- Tặng khác	7.176.001	999.751	-	-		8.175.752
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	176.836.800	449.251.020	4.919.151.924	-		5.545.239.744
- Giảm khác	-	-	-	-	8.175.753	8.175.753
Số dư cuối năm	24.050.454.932	423.956.363.301	151.633.654.479	10.489.629.190	1.652.420.236	611.782.522.138
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	205.341.184.272	385.988.019.318	86.793.987.168	3.522.585.126	2.100.771.264	683.746.547.148
- Tại ngày cuối năm	239.272.634.261	543.926.514.842	68.447.566.852	3.177.393.480	2.194.495.046	857.018.604.481

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	17.056.731.017	746.937.273	17.803.668.290
- Thanh lý, nhượng bán	5.711.938.000	-	5.711.938.000
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	11.344.793.017	746.937.273	12.091.730.290
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	701.937.273	701.937.273
- Khấu hao trong năm	-	45.000.000	45.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	-	746.937.273	746.937.273
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	17.056.731.017	45.000.000	17.101.731.017
- Tại ngày cuối năm	11.344.793.017	-	11.344.793.017
11. Tài sản dở dang dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm 10% trên tổng giá trị xây dựng cơ bản)</i>		22.680.088.110	46.004.933.047
Kho xưởng Phước An		2.014.066.711	31.295.820.896
Nhà máy gạch Phước Thành		8.780.661.003	5.474.669.480
Dự án 105 Tây Sơn		8.863.080.178	6.763.564.085
Dự án Khu sinh thái Hồ Định Bình		3.022.280.218	2.470.878.586
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>		483.699.733	4.915.488.001
Cộng		23.163.787.843	50.920.421.048
12. Đầu tư dài hạn khác	Số lượng Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (*)	2.680.000	26.800.000.000	26.800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (**)	1.320.000	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng		40.000.000.000	40.000.000.000
(*) : Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với số tiền: 26.800.000.000 đồng (2.680.000 CP) chiếm 8% vốn điều lệ.			
(**) : Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình với số tiền: 13.200.000.000 đồng (1.320.000 CP) chiếm 9,28% vốn điều lệ.			
13. Chi phí trả trước		Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		72.751.719	81.575.419
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ		72.751.719	81.575.419
b. Dài hạn		13.636.066.950	5.144.446.321
Kho mìn công trường Tân Mỹ		28.333.335	56.666.667

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

GPMB xưởng sửa chữa xe máy Phước An	5.542.678.100	-
GPMB Nhà máy gạch Phước Thành	1.431.531.000	1.431.531.000
Hầm TBM thượng KonTum	5.537.083.802	1.256.758.667
Cửa nhận nước hầm TBM KonTum	633.349.435	1.266.698.871
Khách sạn Hải Âu	-	519.127.844
Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ	463.091.278	613.663.272
Cộng	13.708.818.669	5.226.021.740
14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	136.452.969	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.290.594	-
Cộng	27.290.594	-
15. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả</i>	<i>141.391.323.255</i>	<i>42.150.894.400</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	-	42.150.894.400
Công ty TNHH TMDV Tân Trường Phúc	51.661.589.656	-
Công ty TNHH MXD Vi Trác	89.729.733.599	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>269.004.957.811</i>	<i>385.321.477.348</i>
Cộng	410.396.281.066	427.472.371.748
16. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	22.620.254.448	86.227.294.025
<i>Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước</i>	<i>19.139.576.738</i>	<i>77.497.832.545</i>
Công trình Thượng Kon Tum	-	13.790.011.543
Công trình Cửa Nhận Nước	-	20.938.821.002
Công trình Đường Hầm TBM	19.139.576.738	42.769.000.000
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>3.480.677.710</i>	<i>8.729.461.480</i>
b. Dài hạn	284.000.000.000	-
<i>Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước</i>	<i>284.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công trình Cửa Nhận Nước	37.000.000.000	-
Công trình Đa Nhim	117.000.000.000	-
Công trình Đường Hầm TBM	130.000.000.000	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	306.620.254.448	86.227.294.025
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	26.306.900	3.667.985.373
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	1.722.380	2.563.637

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.692.516.307
Phí, lệ phí và khoản phải nộp khác	1.924.700	4.988.700
Cộng	29.953.980	6.368.054.017
18. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>4.293.177.727</i>	<i>3.971.546.527</i>
<i>BHXH, BHYT, BHTN</i>	<i>8.250.833.769</i>	<i>2.066.327.465</i>
<i>Phải trả về cổ phần hóa</i>	<i>130.705.324</i>	<i>130.705.324</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>61.235.576.738</i>	<i>58.804.137.341</i>
Thuế TNCN tạm thu	3.543.621.007	2.193.147.487
Thu tiền XKLD	1.259.679.900	403.771.600
CLB hưu trí	398.023.807	356.309.815
Ứng hộ đồng bào bão lụt	171.996.000	314.496.000
Liên danh Samsung-CC47	8.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.862.256.024	55.536.412.439
Cộng	73.910.293.558	64.972.716.657
19. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư vào công ty con phát sinh trong năm	8.037.895.498	1.967.839.495
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh	1.607.579.100	432.924.689
Thuế TNDN hoãn lại phải trả từ năm trước	432.924.689	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả cuối kỳ	2.040.503.789	432.924.689
Cộng	2.040.503.789	432.924.689

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính 2016

20.	Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	750.011.597.676	750.011.597.676	1.090.481.974.409	1.079.786.092.882	739.315.716.149	739.315.716.149
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	749.391.064.641	749.391.064.641	1.090.430.507.652	1.042.903.754.692	701.864.311.681	701.864.311.681
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	6.846.338.190	6.846.338.190	6.846.338.190
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	Vay đối tượng khác	620.533.035	620.533.035	51.466.757	36.000.000	605.066.278	605.066.278
b.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	377.307.632.374	377.307.632.374	73.831.300.304	347.426.416.660	650.902.748.730	650.902.748.730
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	377.162.283.374	377.162.283.374	73.685.951.304	97.426.416.660	400.902.748.730	400.902.748.730
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Sơn-Bình Định	145.349.000	145.349.000	145.349.000	-	-	-
	Nợ dài hạn	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
	Cộng	1.127.319.230.050	1.127.319.230.050	1.164.313.274.713	1.427.212.509.542	1.390.218.464.879	1.390.218.464.879

Công ty Cổ phần Xây dựng 47:

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/300495/HĐTD - HM ngày 01/07/2016 với hạn mức cho vay ngắn hạn: 750.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C (nếu có), thời hạn cấp hạn mức từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/300495/HĐTD - DA ngày 28/03/2016 với số tiền vay: 220.782.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim, thời hạn vay 42 tháng, lãi suất 11%/năm.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định số tiền: 1.671.357.150 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1319342/HĐTD ngày 28/03/2016. Mục đích vay để xây dựng khu nhà dịch vụ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng một lần vào ngày 01/05 và ngày 01/11 hàng năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai nhà dịch vụ.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn Bình Định số tiền: 145.349.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4304-LAV-201602183 ngày 17/08/2016. Mục đích vay để xây dựng khu lữ trại, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 9,3%/năm. tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trị giá 635.978.700 đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng vay số 01/2013/HĐDH ngày 08/07/2013 với tổng số tiền vay là: 86.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí dự án thủy điện Văn Phong, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh 03 tháng 01 lần vào các ngày 21/02, 21/05, 21/08, 21/11 hàng năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn tự có của bên vay để đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Văn Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính 2016

21. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu
A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	96.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	37.361.589.282	21.844.426.947	-	189.122.813.206
- Tăng vốn trong năm trước	24.000.000.000	6.723.151.117	-	-	-	-	30.723.151.117
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26.852.879.675	-	26.852.879.675
- Tăng khác	-	-	-	4.374.142.291	579.257.587	37.407.968.364	42.361.368.242
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(261.129.811)	(27.552.334.541)	-	(27.813.464.352)
2. Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	41.474.601.762	21.724.229.668	37.407.968.364	261.246.747.888
3. Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	41.474.601.762	21.724.229.668	37.407.968.364	261.246.747.888
- Tăng vốn trong năm nay	50.201.300.000	-	-	-	-	-	50.201.300.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.136.397.295	-	3.136.397.295
- Tăng khác	-	4.040.260.000	-	1.493.523.076	5.506.889.401	-	11.040.672.477
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(1.550.853.023)	(10.449.146.977)	-	(14.646.063.020)	(5.369.645.492)	(32.015.708.512)
4. Số dư cuối năm nay	170.201.300.000	32.680.208.094	-	42.968.124.838	15.721.453.344	32.038.322.872	293.609.409.148

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316Mẫu số B09a-HN
Thuyết minh BCTCHN
cho năm tài chính 2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ đông khác	100.00%	170.201.300.000	120.000.000.000
Cộng		170.201.300.000	120.000.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	96.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	50.201.300.000	24.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	170.201.300.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	21.600.000.000

D. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.020.130	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.020.130	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.020.130	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.020.130	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.020.130	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

E. Các quỹ doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	42.968.124.838	41.474.601.762

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)**1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	1.475.581.437.308	1.505.809.027.666
Doanh thu bán hàng	9.966.223.001	25.169.054.699
Dịch vụ cung cấp dịch vụ	106.016.374.614	93.930.545.687
Doanh thu thi công xây lắp chính	1.335.055.815.824	1.356.908.531.718
Doanh thu nhượng bán vật tư	19.604.603.592	23.349.727.654
Doanh thu cho thuê tài sản	24.545.455	32.727.273
Doanh thu dịch vụ thí nghiệm	118.530.000	108.774.619
Doanh thu khác	4.795.344.822	6.309.666.016
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô	6.870.270.685	5.200.799.041
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	8.111.948.844	12.553.418.948
Cộng	1.490.563.656.837	1.523.563.245.655

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.407.348	56.804.372
Cộng	32.407.348	56.804.372

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN
Thuyết minh BCTCHN
cho năm tài chính 2016

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.490.531.249.489	1.523.506.441.283
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>1.318.885.500.467</i>	<i>1.330.298.382.300</i>
Giá vốn bán hàng	10.890.319.253	10.338.261.786
Giá vốn dịch vụ	58.779.929.117	79.206.734.162
Giá vốn xây lắp	1.230.681.562.289	1.221.556.359.687
Giá vốn nhượng bán vật tư	18.533.689.808	19.197.026.665
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</i>	<i>5.148.655.611</i>	<i>3.630.754.216</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i>	<i>10.738.139.086</i>	<i>7.811.137.818</i>
Cộng	1.334.772.295.164	1.341.740.274.334
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	602.879.804	827.997.946
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.952.800.000	6.422.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	436.510.307	7.448.241
Cộng	6.992.190.111	7.257.446.187
6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	109.632.537.217	105.830.040.324
Chi phí tài chính khác	10.018.202.735	6.076.856.608
Cộng	119.650.739.952	111.906.896.932
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>36.949.832.728</i>	<i>45.153.478.107</i>
Chi phí nhân viên quản lý	12.311.618.000	11.711.990.751
Chi phí vật liệu quản lý	3.483.475.326	4.840.442.699
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.915.455	113.319.087
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.252.000	202.000.000
Thuế, phí và lệ phí	8.188.769	180.808.664
Chi phí bằng tiền khác	20.850.383.178	28.104.916.906
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</i>	<i>992.538.891</i>	<i>961.210.544</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i>	<i>1.878.828.830</i>	<i>880.141.137</i>
Cộng	39.821.200.449	46.994.829.788
8. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	10.519.267.091	-
Thu nhập khác	432.360.340	4.414.550.463
Cộng	10.951.627.431	4.414.550.463
9. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>8.153.159.531</i>	<i>2.210.708.666</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN
Thuyết minh BCTCHN
 cho năm tài chính 2016

Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	7.650.566.230	-
Chi phí phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	153.852.116	-
Phạt vi phạm hợp đồng	200.000.000	-
Chi phí khác	148.741.185	2.210.708.666
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	285.363.265	-
Cộng	8.438.522.796	2.210.708.666
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
1. Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Xây dựng 47	923.979.284	5.862.320.105
2. Thuế TNDN của Công ty Du lịch Hàm Hồ	151.643.585	43.453.122
3. Thuế TNDN phải nộp (3 = 1 + 2)	1.075.622.869	5.905.773.227
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	
1. Dự phòng đầu tư vào công ty con	8.037.895.498	
2. Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	136.452.969	
3. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại (3 = 1 - 2)	7.901.442.529	
4. Thuế suất thuế TNDN	20%	
5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại (5 = 3*4)	1.580.288.506	
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.136.397.295	26.852.879.675
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.136.397.295	26.852.879.675
Cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ	12.000.000	9.600.000
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5.020.130	2.400.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	12.123.784	11.787.428
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	258	2.278
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	411.116.515.331	580.701.579.105
Chi phí nhân công	283.771.012.880	277.923.500.111
Chi phí máy thi công	127.860.249.442	133.715.927.524
Chi phí sản xuất chung	472.756.982.464	401.990.454.876
Cộng	1.295.504.760.117	1.394.331.461.616

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn cổ phần.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	16.483.147.337	16.483.147.337
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	445.730.431.713	440.140.431.713

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2016

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn	1.127.319.230.050
Phải trả người bán	410.396.281.066

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	410.396.281.066	-	410.396.281.066
Vay và nợ ngắn hạn	750.011.597.676	-	750.011.597.676
Vay và nợ dài hạn	-	377.307.632.374	377.307.632.374

1.4 Tài sản đảm bảo

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định có tài sản đảm bảo căn cứ trên các biên bản định giá lại giá trị tài sản đảm bảo theo từng hợp đồng thế chấp tài sản.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định có tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim.

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khoản mục	Năm nay
* Tiền chi trả lãi vay: (MS 04)	(109.548.964.468)
Tổng lãi phát sinh phải trả trong năm nay	109.632.537.217
Số đã trả cho năm nay và những năm trước	(109.548.964.468)
* Tiền thu từ đi vay	1.171.916.897.806
Vay nhận được bằng tiền mặt	1.000.000
Vay nhận được bằng tiền gửi ngân hàng	1.816.706.150
Vay trả thẳng cho nhà cung cấp	867.303.438.489
Vay trả lương	26.671.493.850
Vay trả BHXH	20.387.366.479
Vay hộ các Chi nhánh	255.047.767.873
Vay nộp thuế	689.124.965
* Tiền chi trả nợ gốc vay (MS 34)	(1.081.626.092.882)
Trả nợ vay bằng tiền gửi ngân hàng	(1.081.590.092.882)
Tặng trả nợ vay bằng tiền mặt	(36.000.000)

3. Thông tin giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Năm nay
Thù lao Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Giám đốc thực nhận	3.592.662.850
Trong đó:	
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.510.405.000
Lương Ban Giám đốc	2.082.257.850

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

6. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	41.94%	34.95%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	58.06%	65.05%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	87.00%	88.57%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	13.00%	11.43%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

2 Khả năng thanh toán

2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,15	1,13
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,01	1,08
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,36	0,41

3 Tỷ suất sinh lời

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0,39%	2,12%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,21%	1,76%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0,26%	1,41%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,14%	1,17%

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Đình Phong



Phạm Văn Nho



 Dương Minh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

Phụ lục 01: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	61.460.000.000	38.540.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	336.478.087	256.901.019	79.577.068
3	Lợi nhuận chưa phân phối	(16.123.869.681)	(9.542.615.485)	(6.581.254.196)
Cộng		84.212.608.406	52.174.285.534	32.038.322.872

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)